

PHẨM RÀNG BUỘC, GIẢI THOÁT THỨ MƯỜI SÁU

Một phẩm này có xa, gần, chung, riêng.

Nói xa: Tiểu thừa, Đại thừa, ngoại đạo, nội đạo, đều nói có ràng buộc, có giải thoát. Ngoại đạo có hai:

1/ Chúng sinh ràng buộc, được giải thoát là điều tự nhiên mà có, không có nhân duyên. Tất cả chúng sinh sau khi đã trải qua sinh tử, trong tám vạn kiếp, thì hết, bèn được giải thoát, như buộc ống chỉ, thả xuống từ trên núi cao, ống chỉ tháo hết chỉ, thì dừng lại, nên không cần tu đạo, cắt đứt ràng buộc, được giải thoát.”

2/ Như Tăng-khư nói: “Biết hai mươi lăm đế, thì sẽ được giải thoát, người nào không biết, thì sẽ không lìa sinh tử.” Người Tỳ-đàm nói: “Có hai ràng buộc hạt, và quả. Ràng buộc quả, nghĩa là thân quả, báo; ràng buộc hạt, được gọi là phiền não. Phiền não có hai:

1/ Ràng buộc duyên

2/ Ràng buộc tương ứng

Nay, chung gồm có bốn quan điểm:

1/ Duyên mà không ràng buộc, nghĩa là vô lậu duyên sử, và chín duyên sử trên.

2/ Ràng buộc mà không duyên, nghĩa là ràng buộc tương ứng, phiền não và tâm pháp đều khởi, cho nên ràng buộc. Đã là đồng thời, thì không được duyên nhau, nên Tạp Tâm nói rằng: “Không tư duyên, không duyên tương ứng, không duyên cộng hữu.”

3/ Vừa duyên, vừa ràng buộc, tức hữu lậu duyên sử.

4/ Không phải duyên, không phải ràng buộc, trừ các quan điểm trên.

Nghĩa của Luận Thành Thật nói rằng: “Không có hai ràng buộc, vì không có tâm sở đồng thời, nên không có sự ràng buộc tương ứng. Vì phiền não duyên cảnh, thì cũng không ràng buộc cảnh, nên không có “duyên” buộc ràng. Phá người của Số luận rằng: “Tâm tham “duyên” vách, tức là ràng buộc vách, nghĩa là dùng thức để biết vách, thì lẽ ra vách có biết, chỉ lập phiền não mê cảnh, che lấp trí, ràng buộc chúng sinh, gọi đó là ràng buộc.

Người Đại thừa nói rằng: “Hai thứ sinh, tử gọi là ràng buộc quả. Năm trụ phiền não, gọi là sự ràng buộc hạt. Các sự Đại thừa của các nước phương Bắc, cũng lập ra nghĩa này. Lại có thuyết nói về hai chướng: Bốn trụ phiền não, gọi là chướng phiền não, tức đối tượng dứt trừ của Nhị thừa. Nói vô minh trụ địa gọi là trí chướng, thì Bồ-tát đã dứt trừ.

Nói giải: “Người Tỳ-đàm thấy có đặc đạo, vì có giải dứt “hoặc”. Người của luận Thành Thật thấy “không”, thành giải “không” dứt “hoặc” của Thánh. Sự đoạn “hoặc” của Đại thừa, cũng đồng với Luận Thành Thật, dùng giải “không” để dứt.

Hỏi: “Vì sao Tỳ-đàm nói về sự dứt “hoặc” của phàm phu?”

Luận Thành Thật nói phàm phu không dứt “hoặc”, chỉ nói chế phục phải không?

Đáp: “Vì Tỳ-đàm thấy có đặc đạo, ngoại đạo cũng thấy có, cho nên dứt “hoặc”. Luận Thành Thật thấy “không” mà được đạo, người ngoài vì chẳng thấy “không”, nên chỉ chế phục, không dứt. Nay, vì tìm kiếm sự ràng buộc, giải thoát nội, ngoại như thế đều không thể được, nên gọi phẩm phá ràng buộc, giải thoát.

Hỏi: “Vì sao không có sự ràng buộc, giải thoát này ư?”

Đáp: “Vì người ngoài tạo ra nghĩa ràng buộc, giải thoát đều không thành, vì cố tìm chúng không được. Lại, thấy có ràng buộc, gọi là giải. Lại, nội, ngoại Đại, Tiểu thừa đều loại trừ ràng buộc, giải thoát.

Giải thoát không bị trói buộc làm ràng buộc, vẫn chưa trừ trói buộc mà bị giải thoát trói buộc, dụ như tuy giải thoát. Khóa sắt mà vẫn còn mang khóa vàng. Nay Luận chủ muốn cho họ thoát khỏi hai trói buộc là ràng buộc và giải thoát cho nên phá trói buộc, giải thoát.

Lại người Nội ngoại, Đại Tiểu thừa nói đối với hai thứ trói buộc và giải thoát đều muốn dứt trói buộc mà tu giải thoát, nay muốn cho họ hiểu trói buộc tức là giải thoát, biết trói buộc và giải thoát không hai, cho nên phá trói buộc và giải thoát.

Lại, các yếu quán sâu xa của kinh Đại thừa đều nói không có ràng buộc, không có giải thoát, như kinh Đại Phẩm nói: “Không có ràng buộc, không có giải thoát, là đại trang nghiêm.” kinh Niết-bàn nói: “Tỳ-bà-xá-na, không phá phiền não.”

Nay, vì muốn giải thích các kinh như thế, nên nói quán phục, giải.

Hỏi: “Không có ràng buộc, không có giải thoát, sao là đại trang nghiêm?”

Đáp: “Vì có ràng buộc, “có” giải thoát, là chấp “có”, nên không trang nghiêm nay lìa các kiến chấp này cho nên là diệu nghiêm. Lại, “có” sự ràng buộc đáng dứt trừ là chấp “không”; có giải thoát để được, là chấp “có”. “Có”, “không” là “đoạn”, “thường”, gọi là xấu xí, xa lìa các chấp này, tức diệu quán trang nghiêm.”

Sinh gần của phẩm này: Trên, đã nói “không có cái “có”, không

có cái “không”, người ngoài rằng: “Phàm phu “có” ràng buộc, “không” giải thoát; Bậc thánh “có” giải thoát, “không” ràng buộc, sao lại nói chẳng có “có”, “không” ư? Lại, nếu khởi chấp “có”, “không”, thì gọi là ràng buộc; lìa “có”, “không” là chánh quán Trung đạo, được gọi là giải thoát. Chấp “có”, “không” dứt; chấp ràng buộc, giải thoát vẫn sinh, nên tiếp theo, là phẩm Quán ràng buộc, giải thoát.

Phẩm được chia làm hai:

- 1/ Phá căn bản của ràng buộc, giải thoát
- 2/ Chính là phá ràng buộc, giải thoát

Trong phá căn bản được chia làm hai: trước, phá gốc ràng buộc; tiếp theo, là phá gốc rễ giải thoát. Vì chúng sinh và năm ấm là gốc buộc ràng sinh tử. Diệt chúng sinh, này và năm ấm này, gọi là gốc giải thoát, gốc là thể.

Kinh Đại Phẩm nói: “Bờ mé sinh tử như hư không, bờ mé tánh chúng sinh cũng như hư không, trong đó không có sinh tử qua, lại, cũng không có giải thoát; tức là nói cả hai vốn “không”. Đây là tông chỉ lớn của sự nhớ nghĩ chân chánh của Bồ-tát.

Trong phá gốc ràng buộc được chia làm ba:

- 1/ Phá tạo ra thường, vô thường
- 2/ Phá năm tìm kiếm
- 3/ Phá “có” thân, “không” thân

Hỏi: “Sinh tử không phải đều là không có cội rễ, sao ở đây lại lập chính là cội rễ ràng buộc?”

Đáp: “Cội Rễ ràng buộc: kinh nói chính là chúng sinh và năm ấm.”

Hỏi: “Vậy ở đây có khác gì cách lập ở trên?”

Đáp: “Trước kia, lập thẳng có “người”, “pháp”; nay nêu qua lại để làm chứng có người pháp ở trên phá thẳng người pháp, nay phá không có qua lại cho nên không có người pháp.

Hỏi: “Vì sao lập “người”, “pháp” rồi phá “người”, “pháp” ư?”

Đáp: Kinh Lăng-già nói “Chúng sinh vì vọng tưởng, nên đã nhận thấy không ngoài “người”, “pháp”. Nay, phá “người”, “pháp”, chính là nói hai vô ngã, nên được chứng nhập Sơ địa, cho đến thành Phật.

Vả lại, người Đại, Tiểu thừa thường nhàm chán sinh, tử qua, lại, nên muốn cầu giải thoát. Nay, nói nếu thấy có qua, lại, thì không được chấm dứt qua, lại, ngộ qua, lại, là không qua, lại, mới được dứt qua lại.”

Đáp rằng: trở xuống, là phần thứ hai, chính là phá “thường”, “vô

thường”. Từ trên đến đây, đã phá năm ấm và chúng sinh rồi. Nay, vì là “có”, nên chia ra hai quan điểm để quở trách.

Hỏi: “Phẩm phá ràng buộc, giải thoát, vì sao lại phá qua, lại?”

Đáp: “Vì người ngoài cho rằng sự qua lại tức là ràng buộc, nên phá qua lại, tức phá ràng buộc. Tuy nhiên, cội gốc qua lại không ngoài “người”, “pháp”. Nếu hai thứ này là thật, thì sẽ rơi vào “đoạn”, “thường”, mà thường thì giữa trời và người sẽ không có giao tiếp, lặng yên không thay đổi, thì đâu có qua lại; còn vô thường, thì thể diệt hết ngay trong một đời, còn ai qua lại nữa ư?”

Tỳ Kheo Sa-đề chấp có một thức qua lại trong sinh tử. Ngoài ra, Số luận và người Đại thừa đều nói rằng, vô thường qua lại. Lại, ngoại đạo vì chấp chúng sinh là “thường”, nên qua lại. Nội học vì chấp “vô thường”, cho nên qua lại. Nay, phá nghĩa trong, ngoài này.

Bài kệ thứ hai, phá năm thứ câu: Vì chấp chúng sinh là căn bản của các hành, nên nay phá nghiêng về chúng sinh, còn không có chúng sinh, thì lấy ai qua lại ư?”

Lại, người mê hoặc cho rằng: “Năm ấm hoặc bỏ, hoặc thọ nhận, như thọ nhận ấm của người thì bỏ ấm trời. Chúng sinh là thường, không có lấy, bỏ, cho nên, phá riêng chúng sinh.

Văn xuôi rằng: “Ấm, giới, nhập sinh tử tức là một nghĩa: vì cũng gọi sinh tử, cũng gọi ấm, giới, nhập, nên nói là một nghĩa. Lại, đồng là một nghĩa của chúng sinh. Y cứ vào môn chủ thể phá, đồng là nghĩa không thể được của năm thứ câu. Như y cứ năm câu không được trong ấm, y cứ giới, nhập cũng vậy.

Phần thứ ba, phá có thân, không thân. Sở dĩ có cách phá này, là vì trên đã nói năm thứ câu vì không có chúng sinh, nên không có qua, lại.

Người ngoài nói: “Kinh đã nói chúng sinh bỏ một thân, thọ nhận một thân, trôi lăn trong sáu đường, sao lại nói không có chúng sinh qua lại ư? Nay, giả sử vì có chúng sinh, nên dùng có thân, không thân để quở trách.

Nửa bài kệ trên nói: “Nếu bỏ thân người, thọ thân trời, thì kẻ qua, lại là không có thân, như con người bỏ phòng phía đông, vào phòng phía tây, thì người qua, lại đó sẽ không có phòng.

Nửa bài kệ dưới nói: “Nếu không có thân, thì sẽ không có sinh tử, chúng sinh nào qua lại? Lại, đã không có thân, thì không có kẻ qua, lại, vì có năm thân ấm, có thể có chúng sinh. Đã không có thân năm ấm, thì không có chúng sinh. Nếu không có chúng sinh, thì sẽ không có qua, lại.

Nếu bỏ thân năm ấm, khiến cho chúng sinh qua lại, thì lẽ ra cũng ngoài năm ngón tay, đem nắm tay qua, lại.

Lại, nửa bài kệ trên, phá có thân qua, lại. Đây là phá nghĩa “khác” giữa con người và ấm. Nửa bài kệ dưới, là phá không có thân qua, lại, đây là phá nghĩa “một” giữa con người và ấm, vì cho rằng không có năm ấm, cũng có chúng sinh, cho nên là hai nghĩa. Nghĩa là có thân năm ấm thì có chúng sanh gọi là một nghĩa.

Tiếp theo, hỏi nghĩa trong Phật pháp, ông nói: “Từ thân người tạo ra thân trời, nghĩa là vì con người diệt, nên làm trời, hay là không diệt mà làm trời? Nếu diệt, thì không có người, lấy ai làm thân trời? Đây là không có thân đáng qua lại. Nếu không diệt thì thân người vẫn còn, sao lại làm thân trời ư?”

Người ngoài kia không chịu sự quở trách này, nói rằng: “Thân người có hai năng lực: Pháp thật, nêu thể diệt, không được làm thân trời, giả gọi là sức nối tiếp nhau, đổi người làm trời, đâu được đặt ra vấn nạn này ư?” Nay hỏi: “

“Nghĩa diệt của Pháp thật là không tạo ra sự nối tiếp nhau, hay ở bên không diệt mà có tác giả? Thân người là vẫn còn hay không còn ư? Nếu không, thì sẽ lấy vật gì để chuyển thành thân trời ư? Nếu còn thì thân người vẫn còn, làm sao làm trời? Người kia đáp: “Vì thân người của tôi được chuyển thành thân trời.” Nay, hỏi:

“Vì trước đã thọ thân trời, về sau mới chuyển thành người, hay là trước đó đã chuyển thành thân người rồi, về sau mới thọ thân trời? Nếu thọ thân trời rồi, thì cần gì phải chuyển thân người? Nếu trước kia đã chuyển, thì không trở lại thân người nữa, đâu được nói là từ thân người làm thân trời ư?”

Hỏi: “Kinh nói: “Có Niết-bàn v.v... trở xuống, là sinh ra chương thứ hai, tiếp theo, phá cội gốc giải thoát.”

Y hỏi rằng: “Kinh nói: “Niết-bàn đã diệt “người”, “pháp”, nên biết phải có sự sinh của “người”, “pháp”, đâu được ở trên nói: “không có “người” và “pháp” qua, lại trong sinh tử.” Ý đáp:

“Chúng sinh và các hành vốn tự bất sinh, nên nay không có đối tượng diệt. Vì vốn tự không sinh, nên không có gốc ràng buộc. Nay, không có diệt, thì không có gốc giải thoát, vì không có gốc trói buộc nên không có sinh tử. Vì không có gốc giải thoát, nên không Niết-bàn.”

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Sinh tử không phải lẫn lộn; Niết-bàn không phải vắng lặng.”

Lại, như trên, đã tìm kiếm chúng sinh và các hành đều không thể

được, vì thế, nên không thể luận về sinh, diệt.

Hỏi: “Nếu vậy v.v... trở xuống, là đoạn thứ hai, tiếp theo, sẽ phá sự ràng buộc, giải thoát. Lại, chia ra ba phần khác nhau:

- 1/ Phá chung ràng buộc, giải thoát
- 2/ Phá riêng ràng buộc, giải thoát
- 3/ Kết chung, không có ràng buộc, giải thoát

Đầu tiên, là hỏi: “Lẽ ra không có cội gốc của ràng buộc, giải thoát không thể được, mới phải?” Người ngoài nói rằng: “Sinh tử là gốc ràng buộc; Niết-bàn là cội rễ giải thoát. Nếu như trên, là phá không có sinh tử, Niết-bàn, thì hóa ra sẽ không có cội rễ. Vì cội rễ đã “không”, nên không có ràng buộc, giải thoát, nên biết được gốc, rễ chẳng phải không có.”

Nửa bài kệ trên trong phần đáp, phá “pháp” không có ràng buộc, giải thoát. Nửa bài kệ dưới, phá “người” không có ràng buộc, giải thoát.

Nửa bài kệ trên nói rằng: “Nếu năm ấm có được một niệm tạm dừng, thì có bị buộc ràng, có thể được giải thoát. Nay, vừa bắt mới ràng buộc, thì nó đã diệt! Giải thoát cũng như thế. Nếu có một niệm dừng lại, thì không phải là hữu vi, cũng không có ràng buộc, giải thoát.

Nửa bài kệ dưới, là nói vì chúng sinh rất ráo “không”, nên không có thể luận về ràng buộc, giải thoát.

“Lại nữa v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá riêng ràng buộc, giải thoát, tức được chia làm hai: Đầu tiên, phá ràng buộc; tiếp theo, là phá giải thoát.

Hai bài kệ phá ràng buộc: Bài kệ trước, là nói không tự ràng buộc; bài kệ tiếp theo, nói không buộc ràng người, nếu có người bị trói buộc thì không ngoài tự tha.

Lại, bài kệ đầu, là nói “pháp” không có ràng buộc; bài kệ tiếp theo, là nói “người” không có ràng buộc. Hễ nói về có ràng buộc, thì không ngoài “người”, “pháp”.

Bài kệ đầu, nói về không có ràng buộc về quả; bài kệ tiếp theo, là nói không có ràng buộc về nhân. Hễ có ràng buộc thì không là “người”, “quả”.

Bài kệ đầu, được chia làm ba:

1/ Nếu thân, thì gọi là ràng buộc: Nếu nói thân năm ấm này là ràng buộc, thì đây là nhắc lại nghĩa của người ngoài.

“Có thân, thì không ràng buộc v.v... trở xuống, là phần thứ hai, chính là phá có thân bị ràng buộc. Gồm có bốn nghĩa, nên không được

ràng buộc:

1/ Thân không tự ràng buộc, như ngón tay không tự xúc chạm

2/ Nếu là chủ thể ràng buộc thì sẽ không có đối tượng ràng buộc

3/ Nếu là đối tượng buộc ràng, thì sẽ không có chủ thể ràng buộc

4/ Nếu có chủ thể trói buộc, đối tượng trói buộc, thì sẽ có hai thân năm ấm.

Tiếp theo, là nói không có thân, thì sẽ không có chủ thể trói buộc, đối tượng trói buộc.

Câu dưới, kết quả trách người ngoài: “Nếu đáng ràng buộc, ràng buộc trước kia v.v... trở xuống, là bài kệ thứ hai, tiếp theo, là phá ràng buộc người khác.”

Sở dĩ có thêm cách phá này là vì trên, đã nói “có” thân, không thân, đều không có ràng buộc, nay người ngoài chống chế rằng: Vì có thân nên nói trói buộc nghĩa ràng buộc có hai:

1/ Năm ấm là chủ thể ràng buộc, chúng sinh là đối tượng ràng buộc.

2/ Phiền não trong hành ấm là chủ thể ràng buộc; năm ấm là đối tượng ràng buộc, nên có chủ thể trói buộc, đối tượng trói buộc, sẽ không rơi vào lỗi hai thân.

Nửa bài kệ trên, giả sử: Nếu có thể trước khi ràng buộc, có chủ thể ràng buộc riêng, thì lẽ ra đem chủ thể ràng buộc đến để trói buộc đáng trói buộc, như trước khi lia chúng sinh, đã có năm ấm riêng, lẽ ra đem năm ấm này đến để trói buộc chúng sinh. Nay, trước khi lia chúng sinh, không có năm ấm riêng, thì làm sao đem năm ấm để ràng buộc chúng sinh? Đó là lý do có thêm cách phá này. Chính là nói năm ấm hòa hợp thành chúng sinh, khi chưa có chúng sinh, thì không được nói đã có năm ấm, làm sao dùng năm ấm để trói buộc chúng sinh? Lại, chúng sinh là tên của năm ấm chung, nếu chấp lấy chúng sinh, thì cũng tức là không có năm ấm riêng, có khả năng ràng buộc chúng sinh.

Kinh Niết-bàn nói: “Danh sắc ràng buộc chúng sinh, chúng sinh buộc ràng danh sắc; danh sắc thành chúng sinh, tức là danh sắc buộc ràng chúng sinh. Chúng sinh ngự trị danh sắc, tức là chúng sinh buộc ràng danh sắc.” Luận Trí Độ cũng nói: “Danh sắc ràng buộc chúng sinh; chúng sinh buộc ràng danh sắc, chỉ có chúng sinh trói buộc này tức là chúng sinh giải thoát này, như thắt dây, mở dây không có vật nào khác nên không được nói rằng: “Có danh sắc riêng để trói buộc chúng sinh”, cũng không được nói rằng: “Có riêng chúng sinh chịu sự ràng buộc của danh sắc.”

Hỏi: “Nếu khả năng chủ thể trước, thì chính là phá “người” ràng buộc pháp, chính là phá “pháp” buộc ràng “người”?”

Đáp: “Phá chung trước kia là phá “người” ràng buộc “pháp”.

Trên, đã nói rằng: “Thân năm ấm không được có chủ thể ràng buộc, đối tượng ràng buộc, vì phạm lỗi: một người có hai thân. Cho nên, nay, nhận lấy ý nói “người” là chủ thể trói buộc; thân là đối tượng trói buộc, tức có chủ thể, đối tượng. Cho nên, nay nói: “trước kia là năm ấm, có thể ràng buộc, không có người, thì ai trói buộc năm ấm. Văn chính là như vậy, cũng trước khi là năm ấm, không có phiền não riêng, sao lại nói là phiền não buộc ràng năm ấm?”

Văn xuôi rằng: “Nếu rời năm ấm, mà có chúng sinh riêng, là phá nghĩa giả có “thể” của Độc tử, ngoại đạo. Phá phiền não ràng buộc năm ấm, là phá nghĩa của người Tỳ-đàm. Trước, phá bộ “hữu ngã”; sau, phá bộ “vô ngã”.

Chấp ràng buộc, giải thoát, không ngoài hai bộ này.

Hỏi: “Tâm hành ấm khởi phiền não ràng buộc năm ấm khác, sao nói rằng là năm ấm không có phiền não?”

Đáp: “Bộ kia nói bốn ấm khởi đồng thời. Lúc có chủ thể ràng buộc, thì không có năm ấm thanh tịnh riêng để ràng buộc. Khi có năm ấm thiện, vô ký vì không có ấm phiền não là chủ thể ràng buộc. Lại, lúc ấm nơ bản, thì không cần trói buộc nữa. Khi ấm thanh tịnh thì sẽ không có sự nơ bản nào đến ràng buộc. Lại, phiền não tức là ấm nơ bản, lúc ấm nơ, thể nó không tự ràng buộc, khi ấm tịnh, sẽ không có sự nơ bản nào đến ràng buộc, sao lại nói có chủ thể buộc ràng, và đối tượng buộc ràng ư?”

“Lại nữa, cũng không có giải thoát”, là phần thứ hai, tiếp theo, phá giải thoát. Lại, được chia làm hai:

1/ Bài kệ, thứ nhất, phá giải thoát hữu vi

2/ Bài kệ thứ hai, phá sự giải thoát vô vi

Bài kệ đầu, đã phá giải thoát hữu vi, tức là phá nghĩa của đạo đế kia.

Bài kệ thứ hai, phá giải thoát vô vi, là phá nghĩa Diệt đế kia, cũng là phá nghĩa giải thoát hữu vi, giải thoát vô vi. Hễ có giải thoát là không ngoài hai nghĩa này.

Hỏi: “Niết-bàn có gì khác với giải thoát?”

Đáp: “Niết-bàn thì giải thoát; giải thoát không hẳn Niết-bàn, như giải thoát hữu vi, giải thoát vô vi, nên giải thoát chung cho cả hai chỗ. Niết bàn chỉ là vô vi, nghĩa của Đại, Tiểu thừa đều như vậy.

Trong phá giải thoát hữu vi, tức đối với ràng buộc phá giải thoát, chia ra môn Ba thời:

1/ Đã ràng buộc thì không có giải thoát: Đây là luận về nghĩa dứt “hoặc”. Đã ràng buộc, nghĩa là đã dứt “hoặc”, thì dứt trừ cái gì ư? Lại, sự ràng buộc đã chấm dứt, thì không có ràng buộc, không có ràng buộc, thì không có vô ngã giải.

2/ Khi chưa bị ràng buộc, không có sự trói buộc nào để đối đãi, cũng không có giải thoát. Đây là nói “hoặc” ở vị lai, thì giải thoát làm sao dứt được?

3/ “Giải”, “hoặc” cùng lúc, thì sẽ không được đều. Như chấp ngã kiến là “hoặc”, tâm vô ngã là “giải”. Ngay khi khởi ngã kiến, không có “giải” vô ngã; lúc đã có giải vô ngã, thì sẽ không có “hoặc” ngã kiến, làm sao có cùng lúc ư?

- Lại có ba trường hợp :

1/ Lúc có ràng buộc, thì không có giải thoát

2/ Khi không có sự ràng buộc, lại không có giải thoát

3/ Ràng buộc, giải thoát đồng thời, cũng không có giải.

Nghĩa khác có đủ ba quan điểm này:

Lúc mới khởi “hoặc”, đang ràng buộc, không có giải thoát. Tiếp theo, đạo vô ngại, “giải”, “hoặc” cùng lúc. Tiếp theo, đạo giải thoát, có giải thoát, không có ràng buộc.

Ba trường hợp này nhập với ba môn hiện nay để phá.

Hỏi rằng “ v.v... trở xuống, là phần thứ hai, phá giải thoát vô vi. Trước hỏi, tiếp theo đáp. Đây là Số luận và người Đại thừa đều đặt ra câu hỏi này. Như nói: “Niết-bàn vốn có; Niết-bàn mới có; phương tiện tịnh của tánh tịnh, đều là ý hỏi của người ngoài hiện nay.”

Hỏi: “Vì sao biết được văn này là phá giải thoát vô vi?”

Đáp: “Vì trong phần lập nói rằng: “Có người tu đạo, hiện nhập Niết-bàn. Đã gọi là nhập, phải biết là Niết-bàn vô dư.

Đáp rằng “ v.v... trở xuống, chính là phá Niết-bàn Vô vi, hoặc lập ra hai nghĩa Ba-nhã ”

Trên, đã phá Ba-nhã hữu vi, nay sẽ phá Ba-nhã vô vi. Giải thích Ba-nhã hữu vi, có hai sự:

1/ Phương Nam nói: “Giải của Thập địa đều là hữu vi, nên gọi là Ba-nhã hữu vi.”

2/ Sư Nhiếp Luận nói rằng: “Ba-nhã là chánh thể trí, là vô vi, nghĩa này trái với kinh. Niết-bàn nói: “Pháp thường này được gọi, chủ yếu là Như lai, vì sao trong nhân đã là thường?”

Luận Trí Độ nói: “Ba-nhã đổi thành Tát Ba-nhã, thường, làm sao biến đổi ư? Lại, chánh thể trí thường: Thập Địa giải thích: “Sao là sáng, tối ư?”

Giải thích Ba-nhã vô vi có hai nhà:

1/ Dùng cảnh thật tướng, là đúng

2/ Dùng Ba-nhã trong ba đức, là đúng

Nửa kệ trên, nêu nghĩa của người ngoài.

Nửa kệ dưới, chính là phá nghĩa của người ngoài không “thọ” có

hai:

1/ Vì năm ấm gọi là thọ

2/ Vì tâm chấp đắm, gọi là thọ. Vì lúc nhập vô dư, không có hai

thọ này, nên nói không thọ các pháp. Người này là không thọ đối với thọ, thọ đối với không thọ, nên không có thọ, trở lại thành thọ, gọi là đối tượng ràng buộc của thọ. Lại người này nói: “Tâm không có đối tượng thọ mà cuối cùng có đối tượng chứng đắc, đã có đối tượng chứng đắc, thì cuối cùng sẽ có thọ, nên bị thọ ràng buộc.

Như thế, lìa phàm được Thánh, Thánh trở lại thành phàm. Sinh tử, Niết-bàn, chân vọng đều như vậy.

“Lại nữa, không lìa sinh tử v.v... trở xuống, là một bài kệ thứ ba, là tổng kết không có ràng buộc, giải thoát. Vì sinh tử tức Niết-bàn, nên không ràng buộc, vì Niết-bàn tức sinh tử, nên không giải thoát, nên kết song song, không có ràng buộc giải thoát.

Ba câu chính là trình bày kinh Phật. Một câu tiếp theo, là quả trách người ngoài.

Kẻ mê hoặc phần nhiều cho rằng, cắt đứt sự ràng buộc là được giải trừ sinh tử, chứng đắc Niết-bàn, nên khởi hai kiến ràng buộc, giải thoát. Như người ngu nói là hai. Vì thế, nên nay, nói thể ngộ sinh tử tức là Niết-bàn. Đối với bài kệ trước, không liễu Niết-bàn, trái lại trở thành sinh tử, nên kinh nói: “Chưa được Bồ-đề, Bồ-đề trở thành sinh tử. Nếu được Bồ-đề, thì sinh tử sẽ trở thành Bồ-đề.”

Hỏi: “Thể nào là sinh tử tức là Niết-bàn?”

Đáp: “Thể ngộ sinh tử xưa nay bốn dứt bật, tức là Niết-bàn. Vì Niết-bàn và sinh tử, đồng là bốn dứt bật. Nếu dùng mê ngộ để biện luận, thì Bạc thánh thể ngộ sinh tử xưa nay bốn dứt bật cho nên sinh tử tức Niết-bàn, phàm phu cho rằng bốn dứt bật thành không dứt bật, cho nên Niết-bàn thành sanh tử..

